

MÁY NÂNG CHUYÊN - 207217 - NHÓM 01 - TIẾT 123 - THỨ 3

MNC01-Lớp Trưởng: Mai Thành Duy

Nh	MSSV	Họ lót	Tên	Bài tập			TT	KT	D1 (30%)	Bài tập Nhóm			Cong1 BT6	D2 (20%)	Thi (50%)	TK
				Bài 1	Bài 2	BT				B3	B4	B5				
1	13334138	Đình Văn	Phi	7	7	7	5	6	6	7	8	8	1	8.7	3	5
	13334111	Trần Văn	Lộc	7	7	7	5	7	6.3	6	7	7	1	7.7	3	4.9
	13334175	Đoàn Thiện	Thanh	0	7	3.5	5	6	4.8	6	7	7	1	7.7	4	5
2	13118089	Bùi Thanh	Cường	7	6	6.5	7	8	7.2	6	8	8		7.3	5.5	6.4
	13118110	Phạm Minh	Đại	0	7	3.5	6	6	5.2	5	7	7		6.3	5	5.3
	13118298	Nguyễn Văn	Tiến	0	7	3.5	6	6	5.2	5	7	7		6.3	6	5.8
	13118180	Nguyễn Hồng	Khánh	6	6	6	0	8	4.7	5	7	7		6.3	7	6.2
	13118354	Lê Lương Tuấn	Vũ	0		0	7	0	2.3	5	7	7		6.3	5.5	4.7
3	13118183	Trương Nhựt	Khánh	7	7	7	8	8	7.7	8	9	8	1	9.3	5.5	6.9
	13118080	Nguyễn Phúc	Bạo	7	7	7	7.5	8	7.5	7	8	7	1	8.3	7	7.4
	13118096	Mai Thành	Duy	8	8	8	8	8	8	7	8	7	1	8.3	5.5	6.8
4	13118266	Huỳnh Thanh	Tâm	7	7	7	7	7	7	7	8	8		7.7	6.5	6.9
	13118323	Bùi Văn	Truyền	6	7	6.5	7.5	6	6.7	6	7	7		6.7	5.5	6.1
	13118334	Nguyễn Duy	Tuấn	7	7	7	7.5	6	6.8	6	7	7		6.7	4.5	5.6
5	13118301	Lê Đức	Tín	7	6	6.5	0	6	4.2	7	8	8		7.7	6.5	6.1
	13118290	Phạm Quốc	Thuyền	7	7	7	0	6	4.3	6	7	7		6.7	5.5	5.4
	13334216	Phạm Văn	Toàn	7	7	7	5	6	6	6	7	7		6.7	2	4.1
	13118019	Vũ Xuân	Hoàng	6	7	6.5	6.5	0	4.3	6	7	7		6.7	4.5	4.9
	13334169	Nguyễn Văn	Tài	0	7	3.5	6	6	5.2	6	7	7		6.7	3	4.4
6	13118360	Đào Thị Hải	Yến	7	7	7	8	9	8	8	8	8	1	9	5.5	7
	13118349	Dương Đức	Vinh	7	7	7	7.5	8	7.5	7	7	7	1	8	5.5	6.6
	13118326	Nguyễn Nhựt	Trường	6	6	6	6.5	8	6.8	7	7	7	1	8	5.5	6.4
7	13118170	Huỳnh Minh	Kha	7	7	7	8	8	7.7	7	8	8	1	8.7	6.5	7.3
	13118236	Đặng Đình	Phổ	7	7	7	7.5	8	7.5	6	7	7	1	7.7	6	6.8
	13118238	Hà Thanh	Phuong	7	7	7	7.5	8	7.5	6	7	7	1	7.7	5.5	6.5
	13118184	Võ Văn	Khiêm	7	6	6.5	7	8	7.2	6	7	7	1	7.7	3.5	5.5
	13118278	Huỳnh Ngọc	Thạch	6	7	6.5	7	8	7.2	6	7	7	1	7.7	6	6.7
	13118365	Trần Văn	Tịnh	7	7	7	7	8	7.3	8	8	8	1	9	3.5	5.7
	13118342	Nguyễn Xuân	Tùng	7	7	7	7.5	8	7.5	7	7	7	1	8	4	5.9
	12118101	Nguyễn Thanh	Tùng	6	7	6.5	6.5	8	7	7	7	7	1	8	6.5	7

MÁY NÂNG CHUYÊN - 207217 - NHÓM 01 - TIẾT 123 - THỨ 3

MNC01-Lớp Trưởng: Mai Thành Duy

Nh	MSSV	Họ lót	Tên	Bài tập			TT	KT	D1 (30%)	Bài tập Nhóm			Cong1 BT6	D2 (20%)	Thi (50%)	TK
				Bài 1	Bài 2	BT				B3	B4	B5				
8	12118106	Phạm Vĩnh	Vũ			0	6	8	4.7	7	7	7	1	8	4.5	5.3
	13118220	Nguyễn Ngọc	Nguyên	7	7	7	6	8	7	7	7	7	1	8	5	6.2
9	13118138	Nguyễn Văn	Hiếu	7	7	7	7	7	7	8	8	8	1	9	5.5	6.7
	13118113	Phạm Thành	Đạt	6	0	3	0	6	3	7	7	7	1	8	1.5	3.3
	13118060	Phạm Quang	Trung	6	0	3	0	0	1	7	7	7	1	8	v	v
10	13118066	Nguyễn Thế	Vũ	7	7	7	7	6	6.7	8	7	8		7.7	5	6.1
	13118009	Nguyễn Văn	Dur	6	7	6.5	6.5	6	6.3	7	6	7		6.7	4.5	5.5
	13118074	Võ Đặng Phạm	Anh	6	7	6.5	6.5	6	6.3	7	6	7		6.7	5	5.7
	13118006	Trần Quang	Chung	6	6	6	0	6	4	7	6	7		6.7	5	5
	13118035	Nguyễn Đình	Nhật	0	6	3	0	6	3	7	6	7		6.7	2.5	3.5
11	13118347	Mai Hoài	Tựu	6	7	6.5	7	7	6.8	8	8	8	1	9	4	5.8
	13118038	Trần Cảnh	Phú	6	7	6.5	6.5	7	6.7	7	7	7	1	8	4	5.6
	13118344	Bùi Văn	Tú	6	7	6.5	5.5	7	6.3	7	7	7	1	8	3	5
	13118081	Trần Thế	Bình	6	0	3	0	0	1	7	7	7	1	8	3	3.4
12	13118204	Trương Thanh	Lực	7	7	7	4	0	3.7	7	7	8		7.3	3.5	4.3
	13118044	Nguyễn Như	Quỳnh			0			0					v		v
KB	13118168	Phạm Văn	Hùng			0			0					v		v

Ghi chú:

BT (Điểm bài tập) = trung bình điểm Bài tập 1 và bài tập 2.

TT - Điểm thực tập

KT - Điểm kiểm tra

D1 - Trung bình điểm BT + TT + KT

Bài tập nhóm - (Trung bình điểm B3+B4+B5)

D2- Trung bình (B3+B4+B5) + B6

Điểm kết thúc môn = $D1 \cdot 30\% + D2 \cdot 20\% + Thi \cdot 50\%$

Các thắc mắc điểm vui lòng phản hồi qua Fanpage hoặc email. Không nhận phản hồi bằng hình thức khác